TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm Như Y, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D có mặt; anh Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Phạm Như Y tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Y có lối sống gia trưởng, không quan tâm đến vợ con. Vì vậy, chị đã sống ly thân với anh Y từ tháng 8/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Như Y để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Phạm Như Y có 01 con chung là Phạm Trần Cát T, sinh ngày 02/9/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi, yêu cầu anh Y cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Phạm Như Y nhưng anh Y không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Phạm Như Y; về con chung: Giao con chung Phạm Trần Cát T, sinh ngày 02/9/2020 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Phạm Như Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Phạm Trần Cát T mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị D trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Trần Thị D khởi kiện thì anh Phạm Như Y đang cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Như Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/5/2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị D thì sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Y có lối sống gia trưởng và không quan tâm đến vợ, con nên từ tháng 8/2020 đến nay chị D và anh Y đã sống ly thân. Hiện nay chị D không còn tình cảm vợ chồng với anh Y nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Như Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị Trần Thị D đoàn tụ với anh Y, nhưng chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Y nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Phạm Như Y, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh Y biết chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh Phạm Như Y không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Như Y là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị D trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y có 01 con chung là Phạm Trần Cát T, sinh ngày 02/9/2020. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Trần Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Phạm Trần Cát T chưa đủ một năm tuổi và đang sống cùng với mẹ; trong

quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Như Y cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt của cháu Phạm Trần Cát T, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Trần Cát T cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Như Y phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc chị D yêu cầu anh Y cấp dưỡng cho con là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh Y không thỏa thuận được mức cấp dưỡng cho con; chị D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh Phạm Như Y nhưng lại yêu cầu anh Y cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng là không phù hợp.

Căn cứ theo hướng dẫn tại mục 2 phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì *"mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con"*. Do đó, xét chi phí hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng tại địa phương, Hội đồng xét xử buộc anh Phạm Như Y phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là Phạm Trần Cát T mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Phạm Như Y không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Trần Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp.

Buộc anh Phạm Như Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Phạm Như Y.

2. Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Phạm Như Y có 01 con chung là Phạm Trần Cát T, sinh ngày 02/9/2020. Giao con chung Phạm Trần Cát T cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Phạm Như Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Như Y có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Phạm Trần Cát T mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 8 năm 2021) cho đến khi con chung Phạm Trần Cát T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Phạm Như Y không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005935 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Phạm Như Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị D có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Phạm Như Y không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong